

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS)

Tên sản phẩm: SACCHAROSE (SUCROSE) – DẠNG RẮN

MỤC 1: NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên hóa chất:** Saccharose (Sucrose)
- Công thức phân tử:** $C_{12}H_{22}O_{11}$
- Số CAS:** 57-50-1
- Mã EC:** 200-334-9
- Tên khác:** Đường mía, Đường tinh khiết, Cane sugar, Table sugar
- Sử dụng:** Thuốc thử, nguyên liệu thực phẩm, dược phẩm, dung dịch đệm sinh học.
- Nhà cung cấp tại Việt Nam:**
CÔNG TY TNHH MTV ĐỨC MAI KHÔI
Địa chỉ: 702/67/9 Lê Đức Thọ, P. An Hội Đông, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số thuế: 0314051291
SĐT khẩn cấp: 0909.907.861 (Giờ hành chính)

MỤC 2: NHẬN DẠNG MỐI NGUY HẠI

Phân loại GHS:

Sản phẩm không được phân loại là nguy hại theo hệ thống GHS.

Từ cảnh báo: Không yêu cầu.

Biểu tượng nguy hại: Không yêu cầu.

Tác hại tiềm ẩn:

- Có thể gây kích ứng nhẹ nếu hít phải bụi đường.
- Nhiệt độ cao có thể làm phân hủy sinh ra khí CO và CO₂.
- Bụi mịn có thể gây **nguy cơ nổ bụi** trong không khí khi tích tụ ở nồng độ cao.

MỤC 3: THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

Thành phần	CAS	Hàm lượng
Saccharose (C ₁₂ H ₂₂ O ₁₁)	57-50-1	≥ 95%

MỤC 4: BIỆN PHÁP SƠ CẤP

- Hít phải:** Chuyển ra nơi thoáng khí, rửa mũi bằng nước.
- Tiếp xúc da:** Rửa bằng nước sạch, không cần điều trị đặc biệt.
- Tiếp xúc mắt:** Rửa kỹ bằng nước sạch trong vài phút.
- Nuốt phải:** Vô hại trong lượng nhỏ, nếu nuốt nhiều cần theo dõi tiêu hóa.

Triệu chứng: Ho nhẹ, kích ứng mũi, dính bột, không độc tính đáng kể.

MỤC 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- Điểm cháy:** ~185°C (nhiệt độ phân hủy).
- Phương tiện chữa cháy:** Nước, bột khô, CO₂, bọt.
- Nguy cơ cháy:** Bụi đường có thể cháy nổ khi bay lơ lửng trong không khí.
- Sản phẩm phân hủy:** CO, CO₂, khói cacbon.

MỤC 6: ỨNG PHÓ SỰ CỐ

- Biện pháp cá nhân:** Tránh tạo bụi, đeo khẩu trang, quét nhẹ hoặc hút bụi.
- Biện pháp môi trường:** Không thải lượng lớn vào cống rãnh.
- Thu gom:** Quét sạch, thu vào thùng kín, tránh tạo bụi bay.

MỤC 7: SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

- Sử dụng:** Tránh tạo bụi mịn, tránh nguồn nhiệt cao.
- Bảo quản:**

- Ở nơi khô ráo, thoáng mát.
- Đậy kín để tránh hút ẩm.
- Tránh xa chất oxy hóa mạnh (như KMnO_4 , KNO_3 , HNO_3).

MỤC 8: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO HỘ CÁ NHÂN

- **Giới hạn phơi nhiễm:** Không quy định giới hạn cụ thể.
- **Trang bị bảo hộ:**
 - **Mắt:** Kính bảo hộ (nếu tạo bụi).
 - **Tay:** Găng tay nhẹ.
 - **Hô hấp:** Khẩu trang chống bụi.
 - **Da:** Áo bảo hộ nhẹ, làm việc nơi thông thoáng.

MỤC 9: TÍNH CHẤT LÝ HÓA

Thuộc tính	Giá trị
Trạng thái	Rắn tinh thể hoặc bột trắng
Mùi	Ngọt, đặc trưng
Vị	Ngọt
Nhiệt độ nóng chảy	185°C (phân hủy)
Tỷ trọng	1.587 g/cm ³
Độ tan trong nước	Tan hoàn toàn (~2000 g/L ở 20°C)
pH (dung dịch 10%)	6.5 – 7.5
Ổn định	Ổn định trong điều kiện thường

MỤC 10: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

- **Ổn định:** Ổn định ở nhiệt độ phòng.
- **Tránh:** Nhiệt độ cao, tia lửa, chất oxy hóa mạnh.
- **Sản phẩm phân hủy:** CO, CO₂, khói cacbon.

MỤC 11: THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

- **LD₅₀ (chuột, đường miệng):** > 29,700 mg/kg.
- **Độc tính cấp:** Không độc.
- **Kích ứng:** Có thể kích ứng nhẹ mắt, da hoặc hô hấp nếu dạng bụi.
- **Độc tính mãn tính:** Không ghi nhận.

MỤC 12: THÔNG TIN SINH THÁI

- **Phân hủy sinh học:** Có khả năng phân hủy sinh học cao.
- **Tích lũy sinh học:** Không đáng kể.
- **Độc tính sinh học:** Không độc với sinh vật thủy sinh.

MỤC 13: BIỆN PHÁP XỬ LÝ

- Xử lý như **chất thải sinh hoạt thông thường**.
- Không đổ lượng lớn vào cống rãnh để tránh tắc nghẽn.
- Bao bì có thể tái sử dụng hoặc xử lý theo quy định.

MỤC 14: VẬN CHUYỂN

- Không thuộc danh mục hàng nguy hiểm.
- Không cần phân loại theo UN hoặc ADR/IMDG/IATA.

MỤC 15: QUY ĐỊNH PHÁP LÝ

- Không nằm trong danh mục hóa chất kiểm soát hoặc hạn chế sử dụng.
- Tuân thủ **TCVN 5507:2002** và **Nghị định 113/2017/NĐ-CP** về an toàn hóa chất.

MỤC 16: THÔNG TIN KHÁC

- Ngày phát hành: 15/10/2025
- Tài liệu tham khảo:
 - PubChem CID 5988
 - Sigma-Aldrich SDS S0389
 - TCVN 9487:2012 (GHS Việt Nam)
- Ghi chú:
 - Sản phẩm an toàn, có thể dùng trong thực phẩm và thí nghiệm. Tuy nhiên, vẫn cần thao tác cẩn thận để tránh bụi đường gây cháy nổ trong môi trường kín.
 - Thông tin trên dựa trên dữ liệu hiện có và chỉ dùng cho mục đích tham khảo an toàn, không thay thế tư vấn y tế hoặc pháp lý
 - Không sử dụng cho mục đích y tế hoặc thực phẩm. Chỉ dành cho mục đích nghiên cứu hoặc sản xuất có kiểm soát
 - Chỉ dùng cho mục đích thí nghiệm / kỹ thuật. Không dùng trực tiếp cho người nếu không có kiểm định y tế